



**SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
**TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC**

Địa chỉ: 715 Trần Hưng Đạo - Tp. Quy Nhơn - Bình Định

Điện thoại: 0256. 3816816 - 0256. 3820141

# MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THỪA KẾ

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**  
LÊ THÀNH TRUNG - Giám đốc TT TGPL NN tỉnh Bình Định

**Trưởng Ban Biên tập:**  
LÊ THÀNH SƠN - P. Giám đốc TT TGPL NN tỉnh Bình Định

**Biên tập, Trình bày & Sửa bản in:**  
LÂM THANH TÙNG - TP TH - HC TT TGPL NN tỉnh Bình Định  
LÊ MINH TIẾN - Trợ giúp viên TT TGPL NN tỉnh Bình Định  
NGUYỄN THỊ MAI HỒNG - Chuyên viên TT TGPL NN tỉnh Bình Định



*In 2.000 bản, khổ 10.5x20.5cm, 24 trang tại Công ty TNHH Mỹ Thuật - Quảng cáo In và Thương mại Thái Bình. Địa chỉ 534A Nguyễn Thái Học - Tp. Quy Nhơn - Bình Định. Theo Giấy phép xuất bản số ..... do Sở Thông tin và Truyền thông Bình Định cấp ngày ..... In xong và nộp lưu chiểu tháng .....*

**Năm 2022**

**Câu hỏi 1: Thời điểm có hiệu lực của một di chúc theo quy định của pháp luật được quy định như thế nào?**

**Trả lời:** *(Có tính chất tham khảo)*

Theo quy định của Điều 643 thì thời điểm có hiệu lực của di chúc được quy định như sau:

“Điều 643. Hiệu lực của di chúc

1. Di chúc có hiệu lực từ thời điểm mở thừa kế.

2. Di chúc không có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong trường hợp sau đây:

a) Người thừa kế theo di chúc chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc;

b) Cơ quan, tổ chức được chỉ định là người thừa kế không còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế.

Trường hợp có nhiều người thừa kế theo di chúc mà có người chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc, một trong nhiều cơ quan, tổ chức được chỉ định hưởng thừa kế theo di chúc không còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế thì chỉ phần di chúc có liên quan đến cá nhân, cơ quan, tổ chức này không có hiệu lực.

3. Di chúc không có hiệu lực, nếu di sản để lại cho người thừa kế không còn vào thời điểm mở thừa kế; nếu di sản để lại cho người thừa kế chỉ còn một phần thì phần di chúc về phần di sản còn lại vẫn có hiệu lực.

4. Khi di chúc có phần không hợp pháp mà không ảnh hưởng đến hiệu lực của các phần còn lại thì chỉ phần đó không có hiệu lực.

5. Khi một người để lại nhiều bản di chúc đối với một tài sản thì chỉ bản di chúc sau cùng có hiệu lực.”

Như vậy theo quy định thì di chúc sẽ có hiệu lực kể từ ngày người để lại di sản mất. Nếu một người để lại nhiều di chúc thì di chúc sau cùng sẽ là di chúc có hiệu lực pháp luật. Theo pháp luật hiện hành thì đã bãi bỏ quy định về lập di chúc chung của hai vợ chồng như luật cũ, vì theo luật cũ nếu để di chúc chung của hai vợ chồng thì thời điểm có hiệu lực của di chúc không cùng với thời điểm mở thừa kế khi có người chết trước, chết sau. Vậy nên pháp luật hiện hành đã khắc phục được vấn đề vướng mắc trong xác định thời điểm có hiệu lực của di chúc.

## **Câu hỏi 2: Hủy bỏ di chúc là gì?**

**Trả lời:** *(Có tính chất tham khảo)*

Hủy bỏ di chúc là việc người để lại di chúc, thông qua hành vi pháp lý hợp pháp để tuyên bố hủy hoặc không công nhận tất cả các di chúc do mình đã lập trước đó.

Việc hủy bỏ di chúc là làm tiêu hủy hiệu lực pháp lý của di chúc trước nhưng không bao hàm cả việc đưa ra một di chúc mới.

Các trường hợp di chúc bị hủy bỏ:

- Đặc thù đối với di chúc miệng thì sau 03 tháng, kể từ thời điểm di chúc miệng mà người lập di chúc còn sống, minh mẫn, sáng suốt thì di chúc miệng mặc nhiên bị hủy bỏ.

- Các di chúc được lập bằng văn bản, người lập di chúc có quyền hủy bỏ di chúc đã lập vào bất cứ lúc nào.

- Trường hợp người lập di chúc thay thế di chúc bằng di chúc mới thì di chúc trước bị hủy bỏ.

Ngoài chủ thể lập di chúc, không ai đương nhiên có quyền hủy bỏ di chúc.

Trường hợp, sau khi người lập di chúc chết, các bên có căn cứ cho rằng di chúc

không hợp pháp vẫn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. Tranh chấp yêu cầu hủy bỏ di chúc không đồng nghĩa với yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tuyên vô hiệu đối với di chúc đó.

Như đã phân tích ở trên thì tuyên bố di chúc vô hiệu khác với việc hủy bỏ di chúc mặc dù cả hai thuật ngữ đều nhằm chấm dứt sự điều chỉnh của nội dung di chúc đối với phần di sản thừa kế. Di chúc vô hiệu do 02 nguyên nhân chính:

+ Việc lập di chúc trái pháp luật.

+ Việc áp dụng di chúc không còn phù hợp với thực tế.

**Câu hỏi 3: Ông A và bà B (là vợ chồng) tuổi đã ngoài 70, ông bà có một thửa đất với diện tích 1800m<sup>2</sup>. Nay muốn làm di chúc để chia mảnh đất cho 4 người con. Vì tuổi cao sức yếu, nên ông bà có nhờ 2 người không phải là họ hàng đến làm chứng và lập một di chúc. Vì tay run, ông bà không tự viết được nên nhờ một trong hai người kia đánh máy và tính trước mặt mấy người con và điểm chỉ vào di chúc, hai người làm chứng cũng ký xác nhận vào di chúc. Vậy di chúc của ông A và bà B lập với hình thức như thế có hợp pháp và có được công nhận hay không?**

**Trả lời:** *(Có tính chất tham khảo)*

Như nội dung nêu trên thì ông A và bà B đang tiến hành lập một di chúc bằng văn bản và có sự tham gia của hai người làm chứng.

Theo quy định tại Điều 634 BLDS năm 2015 quy định về tính hợp pháp của di chúc bằng văn bản có người làm chứng như sau:

*“Điều 634. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng*

*Trường hợp người lập di chúc không tự mình viết bản di chúc thì có thể tự mình đánh máy hoặc nhờ người khác viết hoặc đánh máy bản di chúc, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc.*

*Việc lập di chúc bằng văn bản có người làm chứng phải tuân theo quy định tại Điều 631 và Điều 632 của Bộ luật này.”*

Như vậy việc ông A và bà B không thể tự viết di chúc nên nhờ người khác viết hộ di chúc thể hiện ý chí của mình là hoàn

toàn phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, những người làm chứng phải đảm bảo các điều kiện đó là: không phải là người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc; không phải là người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan tới nội dung di chúc; người làm chứng phải là người đủ 18 tuổi trở lên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Nếu hai người làm chứng cho di chúc của ông A và bà B đáp ứng được điều kiện trên và di chúc có đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật thì di chúc trên là di chúc hợp pháp và sẽ có hiệu lực pháp luật khi ông A và bà B mất. Tài sản sẽ được chia theo như di chúc của ông bà đã định đoạt.

**Câu hỏi 4: Trong thực tế có việc quan hệ cha con, mẹ con không thể hiện trên giấy khai sinh hoặc trường hợp không có giấy khai sinh thì chia di sản như thế nào?**

**Trả lời:** *(Có tính chất tham khảo)*

Trường hợp không có di chúc, di sản sẽ được chia theo pháp luật cho những người được xác định là có mối quan hệ cha con, mẹ con. Giấy khai sinh là một trong những giấy tờ có thể chứng minh mối quan hệ cha con, mẹ con được pháp luật



công nhận.

Do đó, việc mối quan hệ trên không thể hiện trên giấy khai sinh hoặc không có giấy khai sinh thì rất khó để xác định mối quan hệ cha con/ mẹ con. Tuy nhiên vẫn có thể chứng minh mối quan hệ cha con, mẹ con bằng những cách khác như sổ hộ khẩu hoặc yêu cầu UBND xã cấp bản sao giấy khai sinh trong trường hợp giấy khai sinh bị mất.

**Câu hỏi 5: Trường hợp người chết không để lại di chúc thì ai có quyền hưởng di sản thừa kế? Cách chia như thế nào?**

**Trả lời:** (Có tính chất tham khảo)

Trường hợp không để lại di chúc thì di sản sẽ được chia theo pháp luật. Di sản thừa kế được chia cho một hàng thừa kế và tuân theo thứ tự sau:

- Hàng thừa kế thứ nhất: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;

- Hàng thừa kế thứ hai: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;

- Hàng thừa kế thứ ba: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chất ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.

**Lưu ý:** Những người thừa kế cùng hàng được hưởng di sản bằng nhau và những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước.

**Câu hỏi 6: Con dâu có được quyền hưởng thừa kế tài sản của bố, mẹ chồng không?**

**Trả lời:** (Có tính chất tham khảo)

Trong các trường hợp được thừa kế theo pháp luật thì con dâu không nằm trong hàng thừa kế, do đó con dâu không được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của cha mẹ chồng để lại.

Tuy nhiên, con dâu vẫn có quyền hưởng thừa kế của bố mẹ chồng trong hai trường hợp sau:

- Bố mẹ chồng chết có để lại di chúc cho con dâu.

- Con dâu được hưởng thừa kế từ

chồng. Đây là trường hợp người chồng chết sau khi bố mẹ chồng chết.

**Câu hỏi 7: Người “dung” có được hưởng thừa kế theo di chúc không?**

**Trả lời:** *(Có tính chất tham khảo)*

Người lập di chúc có toàn quyền trong việc để lại di sản của mình cho người thừa kế kể cả người dung. Việc để lại tài sản bằng di chúc chỉ có hiệu lực khi di chúc đó hợp pháp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, người này không được thừa hưởng toàn bộ di sản nếu người để lại di chúc có những người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc bao gồm:

- Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng;

- Con thành niên mà không có khả năng lao động.

**Câu hỏi 8: Người thừa kế có được từ chối nhận tài sản thừa kế không? Thủ tục như thế nào? Đã từ chối nhận di sản thừa kế có được đòi ý không?**

**Trả lời:** *(Có tính chất tham khảo)*

- Người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản trừ trường hợp việc từ chối này nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ tài sản

của mình đối với người khác.

- Việc từ chối di sản này phải lập thành văn bản và gửi đến người quản lý di sản, những người thừa kế khác, người được giao nhiệm vụ phân chia di sản để những người này biết và việc từ chối phải được thể hiện trước thời điểm phân chia di sản.

- Việc từ chối nhận di sản thừa kế sẽ phát sinh hiệu lực nếu người thừa kế từ chối nhận di sản hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và đã thực hiện bằng văn bản. Do vậy, họ không có quyền đòi ý.

**Câu hỏi 9: Đã ly hôn thì có được thừa kế tài sản của vợ, chồng cũ không?**

**Trả lời:** *(Có tính chất tham khảo)*

Một người vẫn được hưởng thừa kế tài sản của vợ, chồng nếu vợ, chồng chết khi hai vợ chồng đang trong thời gian giải quyết ly hôn tại Tòa án. Trường hợp đã hoàn tất thủ tục ly hôn thì cá nhân này không còn được liệt kê vào hàng thừa kế thứ nhất khi chia thừa kế của vợ, chồng cũ, do đó người này không có quyền được nhận thừa kế.

**Câu hỏi 10: Sổ tiết kiệm ngân hàng có phải di sản để thừa kế không?**

**Trả lời:** *(Có tính chất tham khảo)*

- Sổ tiết kiệm ngân hàng được xem là một loại giấy tờ ghi nhận quyền sở hữu tài sản của người đứng tên trên sổ, mà tài sản chính là số tiền gửi tại ngân hàng.

- Trường hợp sổ tiết kiệm là tài sản riêng của người đứng tên thì khi chủ sở hữu sổ tiết kiệm chết thì số tiền trong sổ tiết kiệm ngân hàng được coi là di sản để thừa kế.

- Trường hợp sổ tiết kiệm là tài sản chung của hai hoặc nhiều người thì khi người đứng tên chết, số tiền trong sổ được xem tài sản chung, khi đó chỉ riêng phần tài sản của người chết trong sổ tiết kiệm mới được xem là di sản thừa kế.

**Câu hỏi 11: Có phải nộp thuế thu nhập cá nhân (TNCN) khi nhận thừa kế không?**

**Trả lời:** *(Có tính chất tham khảo)*

- Chỉ khi di sản thừa kế là bất động sản, tài sản khác phải đăng ký, chứng khoán, phần góp vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh thì người thừa hưởng phải nộp Thuế TNCN.

- Lưu ý, trường hợp nhận thừa kế là bất động sản từ người có quan hệ hôn nhân,

huyết thống, nuôi dưỡng như giữa: vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi,... thì không phải nộp Thuế TNCN.

**Câu hỏi 12: Đất không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có được chia thừa kế không?**

**Trả lời:** *(Có tính chất tham khảo)*

Trường hợp không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vẫn có thể được chia thừa kế. Tuy nhiên cần lưu ý rằng người để lại di sản phải có văn bản của UBND cấp có thẩm quyền xác định là đất đó là hợp pháp hoặc văn bản của UBND cấp có thẩm quyền cho biết rõ là việc sử dụng đất đó không vi phạm quy hoạch và có thể được xem xét để giao quyền sử dụng đất.

**Câu hỏi 13: Những người thừa kế đã chia di sản nhưng bất ngờ xuất hiện người thừa kế mới thì giải quyết như thế nào?**

**Trả lời:** *(Có tính chất tham khảo)*

Trường hợp đã phân chia di sản nhưng xuất hiện người thừa kế mới thì không thực hiện việc phân chia lại di sản bằng hiện vật. Tuy nhiên, những người thừa kế đã nhận di sản phải thanh toán cho

người thừa kế mới một khoản tiền tương ứng với phần di sản của người đó tại thời điểm chia thừa kế theo tỷ lệ tương ứng với phần di sản đã nhận.

**Câu hỏi 14: Chị Nguyễn Thị L ở phường, thị xã A, tỉnh BĐ hỏi: cha mẹ chị có tạo lập một ngôi nhà và đất tọa lạc tại phường, thị xã A, tỉnh BĐ. Năm 2018, cha mẹ chị qua đời không để lại di chúc. Cha mẹ chị có 06 người con, trong đó có 02 người đang định cư ở Mỹ. Chị hỏi: khi chia thừa kế phần di sản của người chết để lại, 02 người con đang định cư tại Mỹ có được quyền hưởng di sản của người chết để lại không. Nếu có, thì quyền thừa kế của họ được giải quyết như thế nào?**

**Trả lời:** *(Có tính chất tham khảo)*

Điểm a, Khoản 1, Điều 651 của Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định:

“Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:

Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết”

Điểm đ, khoản 1, Điều 179; khoản 4, Điều 186 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

“Trường hợp người được thừa kế là người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 186 của Luật này thì được nhận thừa kế quyền sử dụng đất; nếu không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 186 của Luật này thì được hưởng giá trị của phần thừa kế đó”.

“Trường hợp trong số những người nhận thừa kế có người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam còn những người khác thuộc diện được nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa phân chia thừa kế quyền sử dụng đất cho từng người nhận thừa kế thì những người nhận thừa kế hoặc người đại diện có văn bản ủy quyền theo quy định nộp hồ sơ về việc nhận thừa kế tại cơ quan đăng ký đất đai để cập nhật vào sổ địa chính.

Sau khi giải quyết xong việc phân chia thừa kế thì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người thuộc đối tượng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài



không thuộc đối tượng được mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam thì phần thừa kế được giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều này”.

Căn cứ các quy định của pháp luật nêu trên, thì 02 người con đang định cư tại Mỹ được quyền hưởng phần di sản của người chết để lại theo pháp luật vì họ là con của người chết. Nếu họ thuộc đối tượng có quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở thì có quyền sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam thì được nhận thừa kế quyền sử dụng đất. Trường hợp, không thuộc đối tượng có quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở thì họ được hưởng giá trị của phần thừa kế đó và không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng được chuyển nhượng hoặc được tặng cho quyền sử dụng đất thừa kế theo quy định sau đây:

- Trong trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì người nhận thừa kế được đứng tên là bên chuyển nhượng trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

- Trong trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất thì người được tặng cho phải là

đối tượng được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 179 của Luật đất đai năm 2013 và phù hợp với quy định của pháp luật về nhà ở, trong đó người nhận thừa kế được đứng tên là bên tặng cho trong hợp đồng hoặc văn bản cam kết tặng cho;

- Trong trường hợp chưa chuyển nhượng hoặc chưa tặng cho quyền sử dụng đất thì người nhận thừa kế hoặc người đại diện có văn bản ủy quyền theo quy định nộp hồ sơ về việc nhận thừa kế tại cơ quan đăng ký đất đai để cập nhật vào Sổ địa chính./.

**Khi có nhu cầu được trợ giúp pháp lý, hãy liên hệ với Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước hoặc các Chi nhánh Trợ giúp pháp lý của Trung tâm, nơi người yêu cầu trợ giúp pháp lý cư trú để được hỗ trợ những vướng mắc pháp luật.**

## **ĐỊA CHỈ TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC VÀ CÁC CHI NHÁNH TGPL TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

### **1. Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước.**

ĐC: số 715 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. ĐT: 0256.3816816.

**2. Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 1.**  
Phụ trách địa bàn 02 huyện Tuy Phước và Vân Canh.

ĐC: số 57 đường Lê Hồng Phong, TT. Diêu Trì, huyện Tuy Phước. ĐT: 0256.3734378

**3. Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 2.**  
Phụ trách địa bàn TX. An Nhơn và huyện Phù Cát.

ĐC: số 79 đường Lê Hồng Phong, P. Bình Định, TX. An Nhơn. ĐT: 0256.3635666

**4. Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 3.**  
Phụ trách địa bàn 02 huyện Phù Mỹ và Hoài Nhơn.

Địa chỉ: số 19 đường Thanh Niên, TT. Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ. ĐT: 0256.3655123

**5. Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 4.**  
Phụ trách địa bàn 02 huyện An Lão và Hoài Ân.

ĐC: Thôn 2, TT. An Lão, huyện An Lão. ĐT: 0256.3875456

### **6. Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 5.**

Phụ trách địa bàn 02 huyện Vĩnh Thạnh và Tây Sơn.

ĐC: Khu phố Định Tổ, TT. Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh. ĐT: 0256.3786888

## **DANH SÁCH CÁC TRỢ GIÚP VIÊN PHÁP LÝ**

**1. Lê Thành Trung**, Trợ giúp viên pháp lý, Giám đốc Trung tâm. Số điện thoại: 0256.3586999; 0972155887.

**2. Lê Thành Sơn**, Trợ giúp viên pháp lý, Phó Giám đốc Trung tâm. Số điện thoại: 0256.3501221; 0935067641.

**3. Nguyễn Ánh Quang**, Trợ giúp viên pháp lý, Trưởng phòng pháp luật Hình sự - Hành chính. Số điện thoại: 0256.3816816; 0913434655.

**4. Phan Văn Hùng**, Trợ giúp viên pháp lý, Trưởng phòng pháp luật Dân sự - Đất đai. Số điện thoại: 0256.3816816; 0935544555.

**5. Nguyễn Hữu Vinh**, Trợ giúp viên pháp lý, Trưởng phòng pháp luật Lao động - Xã hội. Số điện thoại: 0256.3816816; 0914276141.

**6. Nguyễn Ngọc Quốc Linh**, Trợ giúp viên pháp lý, Phòng pháp luật Lao động - Xã hội. Số điện thoại: 0256.3816816; 0912379262.

**7. Lâm Thanh Tùng**, Trợ giúp viên pháp lý.

Trưởng phòng Tổng hợp - Hành chính.  
Số điện thoại: 0256.3820141; 0906562479.

**8. Lê Minh Tiến**, Trợ giúp viên pháp lý.  
Phòng Tổng hợp - Hành chính. Số điện thoại:  
0256.3820141; 0905455459.

**9. Phan Thị Ngọc Huyền**, Trợ giúp viên  
pháp lý. Phòng Tổng hợp - Hành chính.  
Số điện thoại: 0256.3820141; 0974138849.

**10. Lê Tôn Nữ Kim Yến**, Trợ giúp viên  
pháp lý, Trưởng Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 1.  
Số điện thoại: 0256.3734378; 0905693008.

**11. Quách Hồng Cẩm**, Trợ giúp viên pháp  
lý, Trưởng Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 2.  
Số điện thoại: 0256.3635666; 0988952390.

**12. Hồ Văn Huy**, Trợ giúp viên pháp lý Chi  
nhánh Trợ giúp pháp lý số 3. Số điện thoại:  
0256.3655123; 0978545347.

**13. Phạm Minh Vương**, Trợ giúp viên  
pháp lý, Trưởng Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 4.  
Số điện thoại: 0256.3875456; 0985258990.

**14. Nguyễn Thị Xuân Diệu**, Trợ giúp viên  
pháp lý Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 3.  
Số điện thoại: 0256.3875456; 0962362117.

**15. Nguyễn Thị Hồng Thắm**, Trợ giúp  
viên pháp lý, Trưởng Chi nhánh Trợ giúp pháp  
lý số 5. Số điện thoại: 0256.3786888;  
01656579428.